

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

**Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

-----&&&&&-----

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2014**

Hà Nội, tháng 3 năm 2015



## MỤC LỤC

### PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát về Công ty  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn hoạt động kinh doanh  
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

### PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức nhân sự  
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai

### PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành  
Các kế hoạch, định hướng phát triển của Hội đồng quản trị

### PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban điều hành

### PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

20  
CC  
CỔ  
CHỨNG  
ĐÔNG  
NAM  
Á

## PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

### Thông tin khái quát về Công ty

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103015002

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 34/UBCK-GPHĐKD

Vốn điều lệ: 335.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 335.000.000.000 đồng

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 04.62753844 - Số fax: 04.62753816

Email: [ckdna@aseansc.com.vn](mailto:ckdna@aseansc.com.vn) - Website: [www.aseansc.com.vn](http://www.aseansc.com.vn)

### Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 0103015002 do Sở KH & ĐT TP Hà Nội cấp ngày 12/12/2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 22/12/2006.

Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày được cấp giấy phép đến nay. Với tiềm lực tài chính vững mạnh cùng đội ngũ quản lý dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á đã tạo được niềm tin và sự gắn bó của khách hàng với các sản phẩm dịch vụ trên thị trường chứng khoán.

### Ngành nghề và địa bàn hoạt động kinh doanh

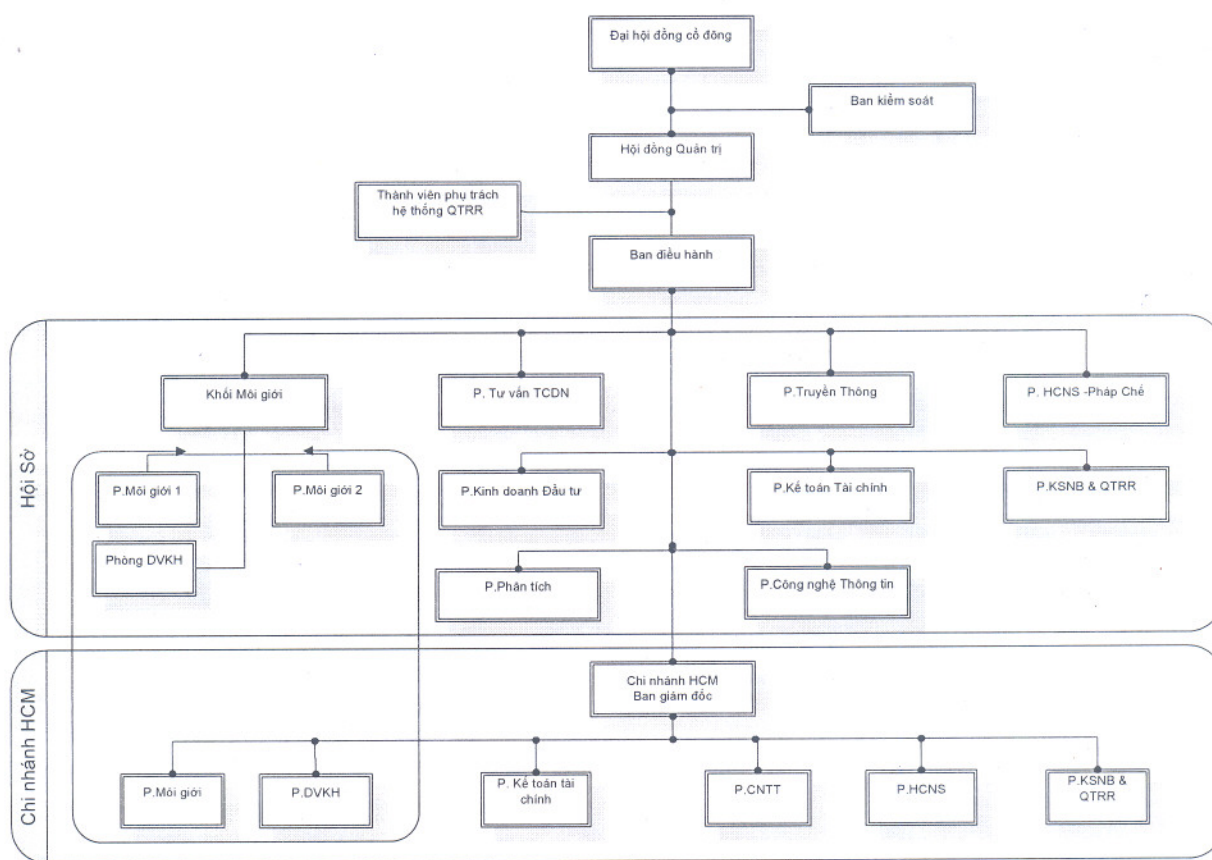
**Ngành nghề kinh doanh:** Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á đã và đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trong các lĩnh vực của thị trường chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính tài chính doanh nghiệp;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**Địa bàn hoạt động kinh doanh:** Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã và đang tổ chức hoạt động kinh doanh tại các địa điểm sau:

- Tại Hà Nội - trụ sở chính: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Tại TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Chí Minh: Số 31-33-35 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**



**Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

**Định hướng phát triển**

Nhằm xây dựng thế mạnh và niềm tin vững chắc trên thị trường chứng khoán, Công ty xác định rõ mục tiêu và chiến lược trong hoạt động kinh doanh của mình với:

**Mục tiêu**

- Đa dạng hóa loại hình sản phẩm;
- Chất lượng dịch vụ hoàn hảo;
- Độ tin cậy cao với một nền tài chính lành mạnh vững chắc;
- Phong cách phục vụ tận tình chuyên nghiệp.

**Chiến lược**

- Xây dựng mô hình quản trị tiên tiến và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm đáp ứng được mọi nhu cầu giao dịch của khách hàng.
- Kết nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư; giữa người mua và người bán; giữa các nhà đầu tư để cùng hướng tới sự đầu tư thành công.
- Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ.
- Chú trọng nâng cao chất lượng nhân sự, đào tạo đội ngũ cán bộ có tâm huyết để công ty ngày càng vững mạnh.

**Các rủi ro**

Trong năm 2014, nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng thị trường chứng khoán đã phải trải qua rất nhiều khó khăn, vì vậy, Công ty cũng không tránh khỏi những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của mình. Do đó, để đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng thực hiện việc kiểm soát rủi ro. Công tác quản trị rủi ro tại Công ty luôn hướng tới các biện pháp phòng ngừa đối với những loại rủi ro sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro hoạt động
- Rủi ro pháp lý

## PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2014, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban tổng giám đốc, sự nỗ lực, phối hợp của tập thể cán bộ nhân viên trong Công ty, kết quả kinh doanh đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014 (đồng)	Năm 2013 (đồng)
1	Tổng doanh thu	VNĐ	54.669.587.886	53.372.971.410
2	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh	VNĐ	54.262.820.188	52.900.397.023
4	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	406.767.698	472.574.387
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	12	14

Mặc dù phải trải qua nhiều biến động, và còn nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh bởi sự ảnh hưởng của thị trường chứng khoán, nhưng Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á vẫn là một trong những công ty chứng khoán duy trì được đầy đủ các nghiệp vụ và kinh doanh có lãi.

### Tổ chức và nhân sự

#### Danh sách Ban điều hành và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP của Cty
1	Lê Thị Thanh Bình	Tổng GD	0%
2	Nguyễn Văn Trung	Phó TGD	0%
3	Nguyễn Vũ Phong	Phó TGD	0%
4	Nguyễn Hoàng Phương	Kế toán trưởng	0%

*Những thay đổi trong Ban điều hành:* Không có.

*Số lượng cán bộ, nhân viên:* Số lượng nhân viên tại thời điểm 01/01/2014 là 40, tại thời điểm 31/12/2014 là 37 nhân viên.

**Chính sách đối với người lao động**

- Chính sách tiền lương, phụ cấp và Bảo hiểm:

*Về tiền lương:* Công ty đã xây dựng quy chế lương nhằm đáp ứng cơ cấu tổ chức của công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động, và phù hợp với quy định của pháp luật.

*Về phụ cấp và Bảo hiểm:* Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết hợp đồng lao động chính thức đều được hưởng các chế độ phụ cấp và BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Chính sách đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ của CBNV. Chẳng hạn như việc cung cấp nguồn kinh phí cho CBNV theo học các khóa học do UBCKNN tổ chức hoặc thuê các đơn vị chuyên đào tạo kiến thức về thị trường chứng khoán đến giảng dạy ngay tại Công ty.
- Chế độ khen thưởng, phúc lợi: được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, CBNV còn được cấp phát trang phục làm việc, chế độ nghỉ mát, chế độ thưởng tại các dịp lễ, tết.
- Chế độ việc làm: Công ty luôn tuân thủ quy định về pháp luật lao động, như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

**Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

*Các dự án lớn:* Trong năm 2014, Công ty không thực hiện đầu tư các dự án lớn.

*Các công ty con, công ty liên kết:* Không có công ty con và công ty liên kết.

**Tình hình tài chính***Tình hình tài chính*

<b>Kết quả kinh doanh</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>
Doanh thu thuần	VNĐ	53.134.466.372	53.948.100.980
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VNĐ	234.069.349	(314.719.208)
Lợi nhuận khác	VNĐ	238.505.038	721.486.906
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	472.574.387	406.767.698
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	472.574.387	406.767.698

<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>ĐVT</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2014</b>
Tổng tài sản	VNĐ	728.339.488.333	642.080.972.580
Tài sản ngắn hạn	VNĐ	615.021.887.239	523.286.223.003
Tài sản dài hạn	VNĐ	113.317.601.094	118.794.749.577
Vốn điều lệ	VNĐ	335.000.000.000	335.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	279.105.700.149	279.512.467.847



*Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: <u>Tài sản lưu động</u> Nợ ngắn hạn	9,95	12,49
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	9,95	12,49
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
2.1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,56	0,62
2.2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,30	1,61
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,08	0,07
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
4.1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,01	0,01
4.2	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0,001	0,002
4.3	Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,001	0,001
4.4	Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,24	0,28

**Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu***Cổ phần*

Tổng số cổ phần	: 33.500.000
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng
Loại cổ phần đang lưu hành	: cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 33.500.000
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0



*Cơ cấu cổ đông*

TT	Tên cổ đông	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>CỔ ĐỒNG LỚN</b>		<b>20,589,825</b>	<b>61,46%</b>
1	Công ty TNHH Đầu tư Tài chính & TM Tấn Phát	Tổ chức trong nước	14,811,075	44,21%
2	Công ty TNHH TM sản xuất Kim Phúc	Tổ chức trong nước	5,778,750	17,25%
<b>II</b>	<b>CỔ ĐỒNG NHỎ</b>		<b>12,910,175</b>	<b>38,54%</b>
1	Các cổ đông khác	Tổ chức & Cá nhân trong nước	12,910,175	38,54%
<b>Tổng cộng</b>			<b>33,500,000</b>	<b>100%</b>

*Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 là: 335.000.000.000 đồng, không thay đổi so với năm 2013

*Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có

*Các chứng khoán khác:* không có

### PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

#### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014 là một năm chứng kiến nhiều sự biến động của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, trước sự biến động đó, Công ty đã có những thay đổi đáng kể, cụ thể: như việc chính thức triển khai hoạt động giao dịch ký quỹ nhằm góp phần đẩy mạnh hoạt động môi giới. Chính vì vậy mà doanh thu của nghiệp vụ hoạt động môi giới trong năm 2014 đã tăng trưởng 176% so với năm 2013.

Mặt khác, cùng với đó là sức tăng đột biến về doanh thu của hoạt động đại lý phát hành chứng khoán và hoạt động tư vấn tài chính. Với những kết quả đạt được nêu trên, tổng doanh thu trong năm 2014 đạt gần 54 tỷ đồng, tăng trưởng 2% so với năm 2013. Chi tiết về kết quả doanh thu và tình hình tài chính của Công ty được thể hiện qua số liệu sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu môi giới chứng khoán	4,790,680,642	1,736,262,877	176
2	Doanh thu hoạt động đầu tư CK góp vốn	1,821,242,852	2,376,678,990	(23)
3	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	3,950,000,000	0	
4	Doanh thu hoạt động tư vấn	1,680,545,454	120,272,727	1,297
5	Doanh thu lưu ký chứng khoán	765,741,846	409,532,328	87
6	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	1,021,253	0	
7	Doanh thu khác	40,938,868,933	48,491,719,450	(16)
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>53,948,100,980</b>	<b>53,134,466,372</b>	<b>2</b>

**Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013	% tăng/ giảm
	Đơn vị tính: VNĐ		
Tổng tài sản	642.080.972.580	728.339.488.333	(11,8)
Tài sản ngắn hạn	523.286.223.003	615.021.887.239	(14,9)
Tài sản dài hạn	118.794.749.577	113.317.601.094	4,9
Nợ phải trả	362.568.504.733	449.233.788.184	(29,3)
Nợ ngắn hạn	52.568.504.733	49.233.788.184	6,8
Nợ dài hạn	310.000.000.000	400.000.000.000	(22,5)

**Tình hình tài sản**

Trong năm 2014 tình hình biến động về tài sản không lớn, cụ thể, tại thời điểm 31/12/2014 tổng tài sản là hơn 642 tỷ đồng, giảm 11,8% so với năm 2013.

**Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả giảm 29,3% từ 449,2 tỷ đồng trong năm 2013 xuống còn 362,5 tỷ đồng trong năm 2014, phần giảm này chủ yếu đến từ việc giảm của khoản nợ dài hạn. Khoản nợ dài hạn là khoản nợ được phát sinh từ việc Công ty phát hành trái phiếu với thời hạn là 05 năm. Đến thời điểm 31/12/2014 khoản nợ dài hạn chỉ còn lại là 310 tỷ đồng.

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

**Về cơ cấu tổ chức:** Trong năm 2014 cơ cấu tổ chức không thay đổi và giữ nguyên cơ cấu tổ chức của năm 2013.

**Về chính sách:** Trong năm 2014, Công ty tiếp tục phát triển những chính sách đã được Hội đồng quản trị phê duyệt theo kế hoạch từ năm 2013 nhằm cải tiến sao cho phù hợp với thực trạng chung của thị trường chứng khoán Việt Nam như: chính sách phát triển sản phẩm mới, chính sách về đào tạo đội ngũ nhân sự, hoàn

thiện toàn bộ các quy trình quy chế nội bộ để đảm bảo việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ được tốt và luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật.

**Về quản lý:** Nhằm ổn định và phát triển các hoạt động kinh doanh cũng như mọi hoạt động khác của Công ty, Ban điều hành luôn tăng cường công tác quản trị nội bộ, quản trị rủi ro nhằm đảm bảo mọi hoạt động nghiệp vụ tại Công ty được ổn định và an toàn theo đúng quy định của pháp luật.

### **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2014 cũng như diễn biến của thị trường chứng khoán đã có nhiều tín hiệu tích cực mặc dù chưa thực sự mạnh mẽ, nhưng nó cũng là một trong những yếu tố góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong những năm qua, Công ty luôn xây dựng và khẳng định được thương hiệu của mình, chính vì vậy mà Công ty luôn duy trì được số lượng lớn khách hàng lớn gắn bó lâu dài, đây chính là yếu tố làm nên sự thành công của Công ty.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi vẫn còn một số những yếu tố khó khăn như: sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần; sự cạnh tranh về mặt bằng lãi suất..... Căn cứ vào sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, để có hướng đi đúng đắn và đạt được kết quả tốt, Ban điều hành đã đưa ra định hướng kế hoạch phát triển như sau:

- Phân đầu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra;
- Nâng cao năng lực tài chính;
- Phát triển các sản phẩm tiện ích hiện đại phục vụ cho Nhà đầu tư;
- Tăng cường mở rộng hoạt động môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Đảm bảo thanh khoản và các chỉ tiêu an toàn tài chính theo đúng quy định của pháp luật;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro và nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động;
- Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

## PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thị trường chứng khoán trong năm 2014 có nhiều biến động, có các giai đoạn tăng mạnh, giảm mạnh và các yếu tố khác tác động lên thị trường dẫn đến những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á nói riêng. Chính vì vậy mà kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty vẫn chưa phát triển mạnh mẽ.

Nhưng trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường chứng khoán, Công ty vẫn duy trì được đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh, luôn cố gắng nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ và đã chú trọng phát triển các dịch vụ gia tăng nhằm đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu về giao dịch của khách hàng là điều đáng khích lệ với toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên tại Công ty.

Bởi vậy mà Hội đồng quản trị đã luôn tin tưởng vào sự phát triển ổn định, bền vững trong tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty và luôn tin tưởng vào đạo đức nghề nghiệp của toàn thể cán bộ nhân viên tại Công ty.

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Hội đồng quản trị đã luôn giám sát chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành và luôn đánh giá cao các hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành đã tiếp nhận chủ trương và thực hiện tốt các chỉ đạo, đường lối của Hội đồng quản trị.
- Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đề ra.
- Trung thực trong việc báo cáo mọi tình hình hoạt động của Công ty với Hội đồng quản trị.
- Sát sao trong công tác điều hành, có sự phối hợp tốt giữa các phòng ban trong Công ty và luôn tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- Biết phối hợp kịp thời để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong mọi hoạt động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao.

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Các tín hiệu cho thấy thị trường chứng khoán trong năm 2015 sẽ khả quan hơn so với năm 2014, mặc dù nền kinh tế chưa lấy lại được đà tăng trưởng nhanh và mạnh, vì vậy, Hội đồng quản trị đã xác định rõ năm 2015 sẽ tiếp tục kinh doanh theo hướng thận trọng với những nội dung như sau:

- Phát triển một cách bền vững trong tất cả các hoạt động kinh doanh.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, phấn đấu lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.
- Cơ cấu nguồn vốn hợp lý, phù hợp với quy mô của Công ty nhằm đạt được hiệu quả cao đồng thời bảo toàn nguồn vốn.
- Tăng cường công tác cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ để đáp ứng được các nhu cầu về giao dịch chứng khoán của mọi đối tượng khách hàng trên thị trường chứng khoán.
- Tập trung vào việc hỗ trợ và chỉ đạo Ban điều hành trong mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Củng cố và nâng cao năng lực quản trị, tăng cường công tác quản trị rủi ro.
- Tiếp tục thực hiện phát triển nguồn nhân lực và đào tạo nhân tài.

11/2/2015 03:18:11

## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Hội đồng quản trị

#### *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị*

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP tại Công ty (%)	Tỷ lệ sở hữu CP tại các Công ty khác (%)
1	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Đoàn Văn Tiến	Thành viên	0	0
3	Vũ Thị Lan	Thành viên	0	0

#### *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị luôn theo dõi chặt chẽ, phối hợp, hỗ trợ mọi hoạt động kinh doanh của Ban điều hành nhằm mục đích nắm bắt được toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, đưa ra các định hướng, chủ trương hoạt động phù hợp với mô hình và điều kiện thực tế của Công ty. Các quyết định và phương hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.

Năm 2014, Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 cuộc họp với 100% số thành viên tham dự, nội dung chủ yếu trong các cuộc họp cụ thể như sau:

- Tổng kết toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2013 và đề ra các phương án, kế hoạch hoạt động kinh doanh cho năm 2014.
- Triển khai hoạt động dịch vụ giao dịch ký quỹ và điều chỉnh kế hoạch hoạt động kinh doanh quý II/2014.
- Thông qua các nội dung trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và đưa ra kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét phương hướng hoạt động trong quý III, IV/2014 và điều chỉnh hạn mức cho hoạt động giao dịch ký quỹ.



- Sơ kết kết quả hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh quý IV/2014.
- Rà soát sơ bộ hoạt động kinh doanh của năm 2014 và điều chỉnh nhân sự quản lý Chi nhánh Hồ Chí Minh.
- Triển khai việc chuyển địa điểm trụ sở chính và thực hiện công việc liên quan đến thay đổi tên viết tắt của công ty.

*Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:* không có

### Ban Kiểm soát

#### *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát*

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần tại Công ty (%)	Tỷ lệ sở hữu CP khác do Công ty phát hành (%)
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban	0	0
2	Hoàng Thị Minh Phượng	Thành viên	0	0
3	Trần Thị Út	Thành viên	0	0

#### *Hoạt động của Ban kiểm soát*

Năm 2014, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát như quy định đã đề ra, Ban kiểm soát luôn hỗ trợ và đóng góp ý kiến thiết thực cho hoạt động của Ban điều hành nhằm hạn chế xảy ra sai sót.

Các hoạt động của Ban kiểm soát đã góp phần tăng cường công tác quản trị rủi ro cho Công ty, đồng thời cũng là cơ quan tạo lập thông tin hiệu quả giữa Hội đồng quản trị - Ban điều hành - Ban kiểm soát.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp, với nội dung chủ yếu:

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và đưa ra phương hướng giám sát các hoạt động kinh doanh trong năm 2015.
- Xem xét quyền và lợi ích của Công ty, của cổ đông và của khách hàng.

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện đúng các quy định, quy trình, quy chế của Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

*Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:* Trong năm 2014, tổng thu nhập bao gồm lương và thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành là: 2.032 triệu đồng.

*Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* không có

*Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* không có

*Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

## PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 được nêu tại Phụ lục đính kèm Báo cáo này.

TM CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thị Thanh Bình

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, đăng ký điều chỉnh mới nhất theo Giấy phép số 08/GPĐC - UBCK cấp ngày 03/02/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng anh: SOUTHEAST ASIA SECURITIES CORPORATION

Tên Công ty viết tắt của Công ty là: SeASecurities.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại: Số 31-33-35 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của Chi nhánh là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là: hoạt động tư vấn, môi giới chứng khoán, hoạt động lưu ký, tự doanh chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

##### Hội đồng Quản trị

Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Lan	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Tiến	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Ban Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phong	Phó Tổng Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Thị Thanh Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Số. 277 /2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa có đủ cơ sở để xác định giá trị thị trường của các loại cổ phiếu chưa niêm yết đang trình bày trên mục các khoản đầu tư dài hạn theo quy định hiện hành nên Công ty chưa thực hiện đánh giá và điều chỉnh cần thiết đối với các khoản đầu tư này. Bất kỳ điều chỉnh nào khi giá thị trường của các cổ phiếu này được xác định một cách tin cậy cũng có thể ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan tại Báo cáo tài chính của Công ty.

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25/03/2014 với ý kiến đơn vị chưa trích lập dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các loại cổ phiếu này.



Trương Văn Nghĩa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Trần Thị Hương Quỳnh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 01-CTCK

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>523.286.223.003</b>	<b>615.021.887.239</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>49.037.193.868</b>	<b>130.952.724.496</b>
1. Tiền	111		34.037.193.868	130.952.724.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>13.021.306.111</b>	<b>23.140.288.065</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	16.260.222.532	28.316.143.864
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.238.916.421)	(5.175.855.799)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>460.495.352.068</b>	<b>460.259.756.214</b>
1. Phải thu khách hàng	131		9.123.378	68.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		563.999.347	19.800.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.4	462.018.623.861	456.850.566.835
5. Phải thu khác	138	5.5	74.336.265	6.371.255.912
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5.6	(2.170.730.783)	(3.050.366.533)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.552.000</b>	<b>6.552.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.552.000	6.552.000
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>725.818.956</b>	<b>662.566.464</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	512.770.196	465.949.047
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	26.467.417
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.8	213.048.760	170.150.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>118.794.749.577</b>	<b>113.317.601.094</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.735.736.438</b>	<b>8.655.243.970</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.405.846.160	2.123.039.360
- Nguyên giá	222		6.419.242.407	6.419.242.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.013.396.247)	(4.296.203.047)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	5.329.890.278	6.532.204.610
- Nguyên giá	228		9.618.128.747	9.618.128.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.288.238.469)	(3.085.924.137)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>103.744.219.938</b>	<b>96.495.920.638</b>
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.11	103.744.219.938	96.495.920.638
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.314.793.201</b>	<b>8.166.436.486</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	665.019.349	1.035.411.629
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	5.13	6.462.376.282	6.111.522.857
4. Tài sản dài hạn khác	268		1.187.397.570	1.019.502.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>642.080.972.580</b>	<b>728.339.488.333</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>362.568.504.733</b>	<b>449.233.788.184</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.568.504.733</b>	<b>49.233.788.184</b>
2. Phải trả người bán	312		689.561.281	2.977.611.571
3. Người mua trả tiền trước	313		100.500.000	78.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	7.004.815.386	7.188.212.871
5. Phải trả người lao động	315		1.954.864.978	1.801.261.085
6. Chi phí phải trả	316	5.15	8.194.282.018	9.357.946.724
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	318	5.16	24.014.658.127	22.656.245.390
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	5.17	8.848.033.100	5.133.634.100
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		4.234.160	4.165.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		33.211.443	36.711.443
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.546.666.667	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		177.677.573	-
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>310.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	310.000.000.000	400.000.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>279.512.467.847</b>	<b>279.105.700.149</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>279.512.467.847</b>	<b>279.105.700.149</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		335.000.000.000	335.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.945.994.322	2.945.994.322
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(58.433.526.475)	(58.840.294.173)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>642.080.972.580</b>	<b>728.339.488.333</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>		<b>657.760.020.000</b>	<b>638.064.350.000</b>
6.1 Chứng khoán giao dịch		640.048.640.000	625.012.920.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>		4.074.470.000	3.408.240.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>		599.481.980.000	585.305.280.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>		684.770.000	540.980.000
<i>Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác</i>		35.807.420.000	35.758.420.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		10.648.330.000	10.901.630.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>		10.648.330.000	10.901.630.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		6.618.600.000	1.911.230.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>		6.588.600.000	1.911.230.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác</i>		30.000.000	-

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước</i>		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		444.450.000	238.570.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký</i>		20.000	30.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i>		412.930.000	238.540.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>		31.500.000	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>		<b>17.879.660.000</b>	<b>893.730.000</b>
7.1 Chứng khoán giao dịch		17.676.330.000	690.400.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>		3.740.000	-
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>		17.672.590.000	690.400.000
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		203.330.000	203.330.000
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước</i>		203.330.000	203.330.000
<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>		<b>2.543.580.890.000</b>	<b>1.059.533.790.000</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Hoàng Phương




Lê Thị Thanh Bình

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu	01	5.20	53.948.100.980	53.134.466.372
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.790.680.642	1.736.262.877
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.821.242.852	2.376.678.990
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		3.950.000.000	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.680.545.454	120.272.727
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		765.741.846	409.532.328
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		1.021.253	-
- Doanh thu khác	01.9		40.938.868.933	48.491.719.450
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		53.948.100.980	53.134.466.372
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.21	40.746.449.066	37.811.968.651
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		13.201.651.914	15.322.497.721
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	13.516.371.122	15.088.428.372
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+25)	30		(314.719.208)	234.069.349
8. Thu nhập khác	31		721.486.906	251.371.803
9. Chi phí khác	32		-	12.866.765
10. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		721.486.906	238.505.038
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		406.767.698	472.574.387
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		406.767.698	472.574.387
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	12	14

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Hoàng Phương

Lê Thị Thanh Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD</b>	<b>3</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	406.767.698	472.574.387
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.919.507.532	2.103.754.223
- Các khoản dự phòng	03	(1.410.679.167)	(4.502.644.081)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.279.006.997)	(2.495.872.907)
- Chi phí lãi vay	06	26.793.632.962	28.976.856.818
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.430.222.028	24.554.668.440
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(600.609.835)	524.265.313.299
- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	(17.572.377.968)	146.324.315
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	4.600.538.974	(15.073.494.757)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	323.571.131	29.182.406.936
- Tiền lãi vay đã trả	13	(27.833.632.960)	(53.676.856.817)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(400.000.000)	(300.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	14.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(171.395.570)	(618.034.598)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(19.223.684.200)</b>	<b>508.494.526.818</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	351.561.821	2.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(22.380.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.380.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	4.576.591.751	3.061.759.106
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>27.308.153.572</b>	<b>(19.316.240.894)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.000.000.000)	(400.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(90.000.000.000)</b>	<b>(400.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(81.915.530.628)</b>	<b>89.178.285.924</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>130.952.724.496</b>	<b>41.774.438.572</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>49.037.193.868</b>	<b>130.952.724.496</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Hoàng Phương

Lê Thị Thanh Bình

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	A	B	Năm trước		Năm nay		31/12/2013	31/12/2014
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	01/01/2013	01/01/2014	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	335.000.000.000	335.000.000.000	-	-	-	-	335.000.000.000	335.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	2.945.994.322	2.945.994.322	-	-	-	-	2.945.994.322	2.945.994.322
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(59.312.868.560)	(58.840.294.173)	472.574.387	-	406.767.698	-	(58.840.294.173)	(58.433.526.475)
<b>Tổng</b>	<b>278.633.125.762</b>	<b>279.105.700.149</b>	<b>472.574.387</b>	<b>-</b>	<b>406.767.698</b>	<b>-</b>	<b>279.105.700.149</b>	<b>279.512.467.847</b>

Người lập



Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phương

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Bình

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, đăng ký điều chỉnh mới nhất theo Giấy phép số 08/GPĐC - UBCK cấp ngày 03/02/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng anh: SOUTHEAST ASIA SECURITIES CORPORATION

Tên Công ty viết tắt của Công ty là: SeASecurities.

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Công ty TNHH Đầu tư TC&TM Tấn Phát	14.811.075	148.110.750.000	44,21%
Công ty TNHH TM Sản xuất Kim Phúc	5.778.750	57.787.500.000	17,25%
Các cổ đông khác	12.910.175	129.101.750.000	38,54%
<b>Tổng</b>	<b>33.500.000</b>	<b>335.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại: 31-33-35 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của Chi nhánh là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Số lao động bình quân năm 2014: 40 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là: hoạt động tư vấn, môi giới chứng khoán, hoạt động lưu ký, tự doanh chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính năm**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty Chứng khoán.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

**Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị trường hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chứng khoán đầu tư được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

	<b>Năm 2014</b>
	<b>Số năm</b>
Máy móc thiết bị	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 08 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ được phản ánh theo chi phí ban đầu và thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02-03 năm.

**Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”.
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của SGDCK HN & SGDCK HCM tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) là giá bình quân gia quyền của các giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước đó hoặc ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị trường của các chứng khoán chưa niêm yết chưa đăng ký giao dịch ở TT giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi 03 công ty chứng khoán tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo của các nguồn trên và không có được thông tin tình hình tài chính và giá trị sổ sách của các tổ chức phát hành thì sẽ không được trích lập dự phòng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Ghi nhận doanh thu**

**Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu hoạt động góp vốn, ủy thác đầu tư được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Hoạt động môi giới chứng khoán, Hoạt động đầu tư chứng khoán, Hoạt động tư vấn, Hoạt động lưu ký chứng khoán và hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực hoạt động và theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng của công ty	9.474.285.482	107.924.835.373
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	22.291.895.007	20.266.727.057
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.271.013.379	2.761.162.066
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>49.037.193.868</b>	<b>130.952.724.496</b>

**Giá trị Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm**

TT	Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
a	Công ty Chứng khoán	13.703.632	1.427.272.460.292
	- Cổ phiếu	1.703.632	42.547.460.292
	- Trái phiếu	12.000.000	1.384.725.000.000
b	Người đầu tư	192.659.408	2.638.096.336.000
	- Cổ phiếu	192.657.408	2.638.076.136.000
	- Chứng khoán khác	2.000	20.200.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>206.363.040</b>	<b>4.065.368.796.292</b>

**5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>16.260.222.532</b>	<b>28.316.143.864</b>
- Chứng khoán niêm yết	16.251.831.934	5.932.874.680
- Chứng khoán chưa niêm yết	8.390.598	3.269.184
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác	-	22.380.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(3.238.916.421)</b>	<b>(5.175.855.799)</b>
- Chứng khoán niêm yết	(3.238.916.421)	(5.175.855.799)
<b>Tổng</b>	<b>13.021.306.111</b>	<b>23.140.288.065</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.3 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	Tăng		Giảm		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
					31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND		
<b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>321.204</b>	<b>189.709</b>	<b>16.260.222.532</b>	<b>5.936.143.864</b>	<b>23.939.689</b>	<b>7.910.935</b>	<b>(3.238.916.421)</b>	<b>(5.175.855.799)</b>	<b>13.045.245.800</b>	<b>768.199.000</b>
ACB	242	242	5.099.101	5.099.101	-	-	(1.372.301)	(1.323.901)	3.726.800	3.775.200
BVH	55.000	-	2.183.940.000	-	-	-	(423.940.000)	-	1.760.000.000	-
FCN	25.009	9	583.424.350	129.600	-	38.700	(65.738.050)	-	517.686.300	168.300
HAG	11.004	4	246.109.985	72.360	-	9.640	(2.921.585)	-	243.188.400	82.000
MBB	41.203	3	549.036.296	36.296	-	1.804	(9.276.996)	-	539.759.300	38.100
NBC	378	378	6.886.010	6.886.010	-	-	(2.614.610)	(3.143.810)	4.271.400	3.742.200
SD9	91	91	2.821.297	2.821.297	-	-	(1.538.197)	(1.656.497)	1.283.100	1.164.800
TKC	84	182.684	2.663.498	5.792.570.381	-	-	(1.655.498)	(5.098.371.181)	1.008.000	694.199.200
REE	10.008	8	271.061.180	121.180	11.164.420	115.620	-	-	282.225.600	236.800
VIC	69.481	1	3.720.057.955	57.955	-	12.045	(405.814.255)	-	3.314.243.700	70.000
VMC	92	92	5.887.712	5.887.712	-	-	(4.415.712)	(4.645.712)	1.472.000	1.242.000
CK khác	108.612	6.197	8.683.235.148	122.461.972	12.775.269	7.733.126	(2.319.629.217)	(66.714.698)	6.376.381.200	63.480.400
<b>2. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.380.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.380.000.000</b>
<b>Tổng</b>	<b>321.204</b>	<b>189.709</b>	<b>16.260.222.532</b>	<b>28.316.143.864</b>	<b>23.939.689</b>	<b>7.910.935</b>	<b>(3.238.916.421)</b>	<b>(5.175.855.799)</b>	<b>13.045.245.800</b>	<b>23.148.199.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-CTCK

**5.4 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu của khách hàng về GD chứng khoán	87.937.144.915	9.695.689.394
Phải thu thành viên ủy thác đầu tư (*)	371.708.800.000	445.708.800.000
Phải thu khác về giao dịch chứng khoán	2.372.678.946	1.446.077.441
<b>Tổng</b>	<b>462.018.623.861</b>	<b>456.850.566.835</b>

(\*) Công ty đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về lộ trình giảm dần và tắt toán các Hợp đồng ủy thác đầu tư. Đến thời điểm 31/12/2014, số dư ủy thác đầu tư là 371.708.800.000 đồng.

**5.5 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu lỗi giao dịch chứng khoán	-	1.871.265.815
Phải thu khác	74.336.265	4.499.990.097
<b>Tổng</b>	<b>74.336.265</b>	<b>6.371.255.912</b>

**5.6 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi từ các giao dịch chứng khoán	(2.170.730.783)	(3.050.366.533)
<b>Tổng</b>	<b>(2.170.730.783)</b>	<b>(3.050.366.533)</b>

**5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	465.949.047	980.406.364
Tăng	4.695.394.111	4.708.208.735
Phân bổ vào chi phí trong năm	4.648.572.962	5.222.666.052
Các khoản thanh lý khác	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>512.770.196</b>	<b>465.949.047</b>
<b>Chi tiết theo khoản mục chi phí</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Hỗ trợ và bảo trì phần mềm giao dịch	394.776.066	450.110.716
Chi phí trả trước khác	117.994.130	15.838.331
<b>Tổng</b>	<b>512.770.196</b>	<b>465.949.047</b>

**5.8 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	201.048.760	158.150.000
Cầm cố ký quỹ ký cược ngắn hạn	12.000.000	12.000.000
<b>Tổng</b>	<b>213.048.760</b>	<b>170.150.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-CTCK

**5.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	6.307.371.144	111.871.263	6.419.242.407
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	6.307.371.144	111.871.263	6.419.242.407
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	4.199.205.840	96.997.207	4.296.203.047
Tăng trong năm	706.037.664	11.155.536	717.193.200
Khấu hao trong năm	706.037.664	11.155.536	717.193.200
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	4.905.243.504	108.152.743	5.013.396.247
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2014	2.108.165.304	14.874.056	2.123.039.360
Tại 31/12/2014	1.402.127.640	3.718.520	1.405.846.160

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng.

**5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	9.618.128.747	9.618.128.747
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	9.618.128.747	9.618.128.747
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	3.085.924.137	3.085.924.137
Tăng trong năm	1.202.314.332	1.202.314.332
Khấu hao trong năm	1.202.314.332	1.202.314.332
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	4.288.238.469	4.288.238.469
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	6.532.204.610	6.532.204.610
Tại 31/12/2014	5.329.890.278	5.329.890.278



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-CTCK

**5.11 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>1. Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>3.713.473</b>	<b>3.114.440</b>	<b>103.744.219.938</b>	<b>96.495.920.638</b>	-	-	-	-	<b>103.744.219.938</b>	<b>96.495.920.638</b>
<i>Công ty CP Dược vật tư y tế Nghệ An</i>	<i>400.000</i>	<i>400.000</i>	<i>8.900.000.000</i>	<i>8.900.000.000</i>	-	-	-	-	<i>8.900.000.000</i>	<i>8.900.000.000</i>
<i>Công ty CP Điện tử tin học</i>	<i>564.000</i>	<i>564.000</i>	<i>10.867.152.000</i>	<i>10.867.152.000</i>	-	-	-	-	<i>10.867.152.000</i>	<i>10.867.152.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Nam Á</i>	<i>12.020</i>	<i>12.020</i>	<i>114.760.000</i>	<i>114.760.000</i>	-	-	-	-	<i>114.760.000</i>	<i>114.760.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế</i>	<i>474.657</i>	<i>474.657</i>	<i>13.829.059.432</i>	<i>13.829.059.432</i>	-	-	-	-	<i>13.829.059.432</i>	<i>13.829.059.432</i>
<i>Công ty CP Xi măng La Hiên</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>	-	-	-	-	<i>1.100.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á</i>	<i>1.563.763</i>	<i>1.563.763</i>	<i>61.684.949.206</i>	<i>61.684.949.206</i>	-	-	-	-	<i>61.684.949.206</i>	<i>61.684.949.206</i>
<i>Cty TNHH MTV Phân bón dầu khí Cà Mau</i>	<i>599.033</i>	-	<i>7.248.299.300</i>	-	-	-	-	-	<i>7.248.299.300</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>3.713.473</b>	<b>3.114.440</b>	<b>103.744.219.938</b>	<b>96.495.920.638</b>	-	-	-	-	<b>103.744.219.938</b>	<b>96.495.920.638</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-CTCK

**5.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.035.411.629	29.703.361.248
Tăng	136.200.000	1.202.870.077
Phân bổ vào chi phí trong năm	506.592.280	2.051.036.866
Các khoản thanh lý khác	-	27.819.782.830
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>665.019.349</b>	<b>1.035.411.629</b>
	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
<b>Chi tiết theo khoản mục chi phí</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	278.897.950	424.153.811
Chi phí cải tạo nội thất	209.142.788	326.370.011
Chi phí trả trước dài hạn khác	176.978.611	284.887.807
<b>Tổng</b>	<b>665.019.349</b>	<b>1.035.411.629</b>

**5.13 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	375.736.776	375.736.776
Tiền nộp bổ sung hàng năm	4.062.397.670	4.062.397.670
Tiền lãi phân bổ hàng năm	2.024.241.836	1.673.388.411
<b>Tổng</b>	<b>6.462.376.282</b>	<b>6.111.522.857</b>

Theo Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 07 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

**5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	264.837.339	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.406.532.615	6.806.532.615
Thuế thu nhập cá nhân	333.445.432	381.680.256
<b>Tổng</b>	<b>7.004.815.386</b>	<b>7.188.212.871</b>

**5.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	8.060.000.002	9.100.000.000
Các khoản khác	134.282.016	257.946.724
<b>Tổng</b>	<b>8.194.282.018</b>	<b>9.357.946.724</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-CTCK

**5.16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	158.465.274	147.790.917
Bảo hiểm xã hội	6.366.835	3.391.489
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn của Nhà đầu tư	22.291.895.007	20.266.727.057
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.557.931.011	2.238.335.927
<b>Tổng</b>	<b>24.014.658.127</b>	<b>22.656.245.390</b>

**5.17 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký	8.789.345.000	5.081.696.000
Phải trả tổ chức cá nhân khác	58.688.100	51.938.100
<b>Tổng</b>	<b>8.848.033.100</b>	<b>5.133.634.100</b>

**5.18 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trái phiếu phát hành (*)	310.000.000.000	400.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>

(\*) Số dư trái phiếu đã được Công ty mua lại cho đến thời điểm 31/12/2014. Thời hạn trái phiếu là 5 năm từ ngày 06/09/2011 đến ngày 06/09/2016. Lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 18%/năm, kể từ năm thứ 2 mức lãi suất sẽ là bình quân của mức lãi suất tiết kiệm VND bình quân kỳ hạn 12 tháng niêm yết công khai của 4 ngân hàng lớn gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại thời điểm 8h00 của ngày thanh toán lãi hàng năm với biên độ +2%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-CTCK

**5.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ		
	01/01/2013	01/01/2014	Năm trước		Năm nay		31/12/2013	31/12/2014	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	335.000.000.000	335.000.000.000	-	-	-	-	335.000.000.000	335.000.000.000	
2. Quỹ dự phòng tài chính	2.945.994.322	2.945.994.322	-	-	-	-	2.945.994.322	2.945.994.322	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(59.312.868.560)	(58.840.294.173)	472.574.387	-	406.767.698	-	(58.840.294.173)	(58.433.526.475)	
<b>Tổng</b>	<b>278.633.125.762</b>	<b>279.105.700.149</b>	<b>472.574.387</b>	<b>-</b>	<b>406.767.698</b>	<b>-</b>	<b>279.105.700.149</b>	<b>279.512.467.847</b>	

**Cổ phiếu**

	Năm 2014 Cổ phiếu	Năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.500.000	33.500.000
Cổ phiếu phổ thông	33.500.000	33.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP):	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-CTCK

**5.20 DOANH THU BÁN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.790.680.642	1.736.262.877
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.821.242.852	2.376.678.990
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	3.950.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.680.545.454	120.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	765.741.846	409.532.328
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	1.021.253	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
Doanh thu khác	40.938.868.933	48.491.719.450
<b>Tổng</b>	<b>53.948.100.980</b>	<b>53.134.466.372</b>

**5.21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	833.128.996	619.911.283
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.023.522.168	14.376.548
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.725.888.889	-
Chi phí hoạt động tư vấn	18.922.200	13.500.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	348.676.500	362.408.694
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.936.939.378)	32.912.439
Chi phí dự phòng phải trả	177.677.573	67.194.194
Chi phí khác	26.873.633.862	29.056.856.818
Chi phí trực tiếp chung	6.681.938.256	7.644.808.675
- Chi phí nhân viên	1.651.155.672	1.904.891.183
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	99.621.316	65.321.285
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	462.743.514	560.085.520
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.954.037.461	3.150.695.286
- Chi phí khác bằng tiền	1.514.380.293	1.963.815.401
<b>Tổng</b>	<b>40.746.449.066</b>	<b>37.811.968.651</b>

**5.22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.970.951.216	4.708.499.541
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	221.261.481	264.917.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.456.764.018	1.543.668.703
Thuế, phí và lệ phí	465.472.740	591.857.717
Chi phí dự phòng	170.905.065	964.002.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.743.179.684	2.022.136.937
Chi phí khác bằng tiền	3.487.836.918	4.993.345.285
<b>Tổng</b>	<b>13.516.371.122</b>	<b>15.088.428.372</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.23 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	406.767.698	472.574.387
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	864.932.444	1.702.922.318
Tổng thu nhập chịu thuế	(458.164.746)	(1.230.347.931)
- Chuyển lỗ	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(458.164.746)	(1.230.347.931)
Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	406.767.698	472.574.387
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	406.767.698	472.574.387
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	33.500.000	33.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>12</b>	<b>14</b>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng, thù lao	2.032.579.854	1.376.071.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

6.2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận - Theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	4.790.680.642	1.821.242.852	1.680.545.454	765.741.846	44.889.890.186	53.948.100.980
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.010.806.569	3.086.582.790	18.922.200	348.676.500	29.599.522.751	34.064.510.810
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	6.681.938.256	6.681.938.256
<b>Tổng lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.779.874.073</b>	<b>(1.265.339.938)</b>	<b>1.661.623.254</b>	<b>417.065.346</b>	<b>8.608.429.179</b>	<b>13.201.651.914</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	108.058.309.139	116.765.526.049	8.000.000	-	374.082.602.324	598.914.437.512
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	43.166.535.068	43.166.535.068
<b>Tổng tài sản</b>	<b>108.058.309.139</b>	<b>116.765.526.049</b>	<b>8.000.000</b>	<b>-</b>	<b>417.249.137.392</b>	<b>642.080.972.580</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	31.321.839.840	-	100.500.000	31.183.645	318.194.282.018	349.647.805.503
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	12.920.699.230	12.920.699.230
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>362.568.504.733</b>

Báo cáo bộ phận - Theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Chi nhánh		Tổng
	Hội sở	Hồ Chí Minh	
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	52.651.046.037	1.297.054.943	53.948.100.980
Tài sản bộ phận	635.942.411.093	6.138.561.487	642.080.972.580
Nợ phải trả bộ phận	348.785.856.930	13.782.647.803	362.568.504.733

**6.3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.037.193.868	130.952.724.496
Phải thu khách hàng và phải thu khác	462.102.083.504	463.290.322.747
Đầu tư ngắn hạn	16.260.222.532	28.316.143.864
Đầu tư dài hạn	103.744.219.938	96.495.920.638
<b>Tổng</b>	<b>631.143.719.842</b>	<b>719.055.111.745</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	310.000.000.000	400.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.652.752.508	30.845.491.061
Chi phí phải trả	8.194.282.018	9.357.946.724
<b>Tổng</b>	<b>351.847.034.526</b>	<b>440.203.437.785</b>

Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Rủi ro về giá**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.



6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	310.000.000.000	310.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.652.752.508	-	33.652.752.508
Chi phí phải trả	8.194.282.018	-	8.194.282.018
<b>Tổng</b>	<b>41.847.034.526</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>351.847.034.526</b>
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	30.845.491.061	-	30.845.491.061
Chi phí phải trả	9.357.946.724	-	9.357.946.724
<b>Tổng</b>	<b>40.203.437.785</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>440.203.437.785</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.037.193.868	-	49.037.193.868
Phải thu khách hàng và phải thu khác	462.102.083.504	-	462.102.083.504
Đầu tư ngắn hạn	16.260.222.532	-	16.260.222.532
Đầu tư dài hạn	-	103.744.219.938	103.744.219.938
<b>Tổng</b>	<b>527.399.499.904</b>	<b>103.744.219.938</b>	<b>631.143.719.842</b>

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.952.724.496	-	130.952.724.496
Phải thu khách hàng và phải thu khác	463.290.322.747	-	463.290.322.747
Đầu tư ngắn hạn	28.316.143.864	-	28.316.143.864
Đầu tư dài hạn	-	96.495.920.638	96.495.920.638
<b>Tổng</b>	<b>622.559.191.107</b>	<b>96.495.920.638</b>	<b>719.055.111.745</b>

**6.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán và Tư vấn thuế AAT.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015  
**Tổng Giám đốc**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Thủy**



**Nguyễn Hoàng Phương**



**Lê Thị Thanh Bình**

